

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HS-ST

Ngày: 18 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và Ông Vũ Văn Hạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18/12/2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2024/HSST ngày 15/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HS ngày 04/12/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Việt A, sinh năm 1994. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. HKTT: thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Quý C, con bà Đoàn Thị H. Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ là Dương Thị Quỳnh H1, sinh năm 1995, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Lê Việt A bị tạm giữ từ ngày 22/8/2024 đến ngày 31/8/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. "Có mặt".

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đào Minh T, sinh năm 2006; địa chỉ: đội D, thôn Đ, xã P (tên gọi cũ là Hồng N), thành phố H, tỉnh Hưng Yên; "vắng mặt".

2. Anh Mai Văn H2, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; "vắng mặt".

3. Anh Bùi Văn D, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; "vắng mặt".

4. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; "vắng mặt".

***Người làm chứng:** Anh Nguyễn Việt H3, sinh năm 2008. Đại diện theo pháp luật của người làm chứng: Ông Nguyễn Việt V, sinh năm 1979. Đều có địa chỉ tại: đội A, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Việt A mở cửa hàng xăm hình tại nhà ở tại thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Quá trình kinh doanh Việt A biết nhiều người có nhu cầu vay tiền nhưng không muốn làm thủ tục tại Ngân hàng nên nảy sinh ý định cho các cá nhân này vay tiền với lãi suất cao để hưởng lợi bất chính. Việt A cho vay với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày và 20 ngày trả lãi một lần, nếu người vay tiền là người quen biết thì không phải để lại tài sản làm tin, còn nếu không quen biết thì Việt A yêu cầu có tài sản làm tin và giấy mua bán tài sản đối với tài sản đó. Từ ngày 10/12/2023 đến ngày 22/8/2024 Việt A đã cho các anh Đào Minh T; anh Mai Văn H2; anh Bùi Văn D và anh Phạm Văn Đ vay tổng số tiền là 89.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (*tương ứng với mức lãi suất 182,5%/01 năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự* nhằm thu lời bất chính số tiền 76.817.533 đồng, số tiền thu lời bất chính thực tế đã thu là 43.634.535 đồng, cụ thể từng người và từng lần cho vay như sau:

Đối với Đào Minh T, Việt A đã cho T vay 04 lần:

Lần 1: Ngày 10/12/2023, anh T mang xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển số 89B2-18811 của anh Nguyễn Quốc H4, sinh năm 1985, trú tại số B đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên đến cầm cho Việt A để vay số tiền 7.000.000 đồng. Việt A cắt lãi 20 ngày tương ứng số tiền 700.000 đồng và đưa cho T số tiền 6.300.000 đồng. Anh T và Việt A viết giấy mua bán xe trên. Số ngày tính lãi suất từ ngày 10/12/2023 đến ngày 22/8/2024 là 257 ngày; lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 8.995.000 đồng; lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 985.754 đồng; số tiền nhằm thu lời bất chính 8.009.246 đồng.

Lần 2: Ngày 15/12/2023, anh T mang xe mô tô nhãn hiệu SH màu đỏ, biển số 89B1-75453 của anh Tống Hoàng T1, sinh năm 1995, trú tại số G đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên đến cầm cho Việt A để vay số tiền 30.000.000 đồng. Việt A cắt lãi 20 ngày tương ứng số tiền 3.000.000 đồng và đưa cho T1 số tiền 27.000.000 đồng. T1 và Việt A viết giấy mua bán xe trên. Số ngày tính lãi suất từ ngày 15/12/2023 đến ngày 22/8/2024 là 252 ngày; lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 37.800.000 đồng; lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 4.142.466 đồng; số tiền nhằm thu lời bất chính 33.657.534 đồng.

Lần 3: Ngày 02/01/2024, anh T1 mang xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, biển số 89B2-22457 của anh Phạm Ngọc M, sinh năm 1999, trú tại đội 13 đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên đến cầm cho Việt A để vay số tiền 10.000.000 đồng. Việt A cắt lãi 20 ngày tương ứng số tiền 1.000.000 đồng và đưa cho T1 số tiền 9.000.000 đồng. Anh T1 và Việt A viết giấy mua bán xe trên. Số ngày tính lãi suất từ ngày 02/01/2024 đến ngày 22/8/2024 là 234 ngày; lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 11.700.000 đồng; lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 1.282.192 đồng; số tiền nhằm thu lời bất chính 10.417.808 đồng.

Lần 4: Ngày 28/2/2024, anh T1 đi cùng Nguyễn Việt H3, sinh năm 2008, trú tại đội A, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên mang xe mô tô nhãn hiệu SH màu nâu, biển số 29M1-28889, đăng ký xe mang tên Vũ Thu của anh

Hà Hoàng Đ1, sinh năm 1997, trú tại số E đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên đến cầm cho Việt A để vay số tiền 30.000.000 đồng. Do anh T1 đã nhiều lần vay tiền của Việt A mà chưa trả nên lần này anh T1 nhờ anh H3 để lại căn cước công dân của anh H3 và viết giấy mua bán xe trên cho Việt A. Việt A yêu cầu anh H3 viết 02 giấy bán xe, 01 giấy nội dung chủ xe bán xe cho anh H3 và 01 giấy nội dung anh H3 bán xe cho Việt A. Viết giấy bán xe xong, Việt A đồng ý cho anh T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, Việt A cắt lãi 20 ngày và cắt lãi các khoản vay trước đó tương ứng số tiền 12.500.000 đồng, còn lại đưa cho anh T1 số tiền 17.500.000 đồng. Số ngày tính lãi suất từ ngày 28/02/2024 đến ngày 22/8/2024 là 177 ngày; lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 26.550.000 đồng; lãi suất theo quy định của BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 2.909.590 đồng; số tiền nhằm thu lời bất chính 23.640.410 đồng.

Tổng cộng 04 lần anh T1 vay của Việt A số tiền là 77.000.000 đồng, với lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 85.045.000 đồng; lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 9.320.002 đồng; số tiền nhằm thu lời bất chính là 75.724.998 đồng; số tiền anh T1 đã trả lãi cho Việt A là 47.800.000 đồng (trong đó 17.200.000 đồng Việt A cắt lãi trực tiếp và 30.600.000 đồng là tiền anh T1 trả cho Việt A), số tiền Việt A đã thu lời bất chính là 42.542.000 đồng. Tính đến nay số tiền gốc và tiền lãi còn lại anh T1 chưa trả cho Việt A, Việt A nhiều lần đòi T1 nhưng anh T1 chưa trả và xin trả sau.

Đối với Mai Văn H2: ngày 20/7/2024, anh H2 đến gặp Việt A để vay số tiền 1.500.000 đồng, Việt A cắt lãi 20 ngày tương ứng số tiền 150.000 đồng và đưa cho H2 số tiền 1.350.000 đồng, 20 ngày sau H2 đã trả cho Việt A số tiền gốc trên. Lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 150.000 đồng; lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 16.438 đồng; số tiền thu lời bất chính 133.562 đồng.

Đối với Bùi Văn D: ngày 15/8/2024, anh D đến gặp Việt A để vay số tiền 500.000 đồng, Việt A đồng ý đưa cho anh D vay 500.000 đồng. Ngày 20/8/2024, anh D đến gặp và trả cho Việt A tổng số tiền 525.000 đồng, gồm 500.000 đồng tiền gốc và 25.000 đồng tiền lãi. Số ngày tính lãi suất từ ngày 15/8/2024 đến ngày 20/8/2024 là 06 ngày, tuy nhiên vì số tiền nhỏ lên V tính lãi 05 ngày lãi; với mức lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 25.000 đồng; lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 274 đồng; số tiền thu lời bất chính 24.726 đồng.

Đối với Phạm Văn Đ: ngày 15/8/2024, anh Đ đến gặp Việt A để vay số tiền 10.000.000 đồng, Việt A cắt lãi 20 ngày tương ứng số tiền 1.000.000 đồng và đưa cho Đ số tiền 9.000.000 đồng. Số ngày tính lãi suất từ ngày 15/8/2024 đến ngày 22/8/2024 là 08 ngày, Việt A đã cắt lãi trước 20 ngày tương ứng số tiền 1.000.000 đồng; lãi suất 182,5%/năm tương ứng số tiền 1.000.000 đồng, lãi suất theo quy định BLDS là 20%/năm tương ứng số tiền 65.753 đồng; số tiền thu lời bất chính 934.247 đồng. Độ chưa trả số tiền gốc đã vay cho Việt A.

Ngày 22/8/2024, Việt A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để đầu thú, đồng thời giao nộp 04 chiếc xe mô tô nêu trên cùng 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Viết H3 và 05 giấy bán xe.

Đối với hành vi của Đào Minh T mang 04 chiếc xe mô tô để cầm cố vay tiền của Lê Việt A, qua xác minh xác định anh Nguyễn Quốc H4, Tống Hoàng T1, Phạm Ngọc M, Hà Hoàng Đ1 là chủ sở hữu hợp pháp đều biết và đồng ý cho Đào Minh T mượn xe để đi cầm cố lấy tiền nên không có căn cứ để xử lý đối với T.

Về xử lý vật chứng: Đối với 04 chiếc xe mô tô Đào Minh T sử dụng để cầm cố vay tiền của Lê Việt A, các ngày 12/9/2024, ngày 08/10/2024 và ngày 29/10/2024 Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H đã trả lại 04 chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký xe và 01 căn cước công dân cho các chủ sở hữu hợp pháp, chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì. Đối với 05 giấy bán xe được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Việt A đã hoàn trả số tiền thu lời bất chính cho Đào Minh T số tiền 42.542.000 đồng, Mai Văn H2 số tiền 133.562 đồng, Bùi Văn D số tiền 24.726 đồng và Phạm Văn Đ số tiền 934.247 đồng. H2, D, Đ, T đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì nên vấn đề trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra, Lê Việt A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 87/CT-VKS-TPHY ngày 15/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên truy tố bị cáo Lê Việt A về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Việt A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu; không có ý kiến tranh luận và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như đã nêu trong cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố: Bị cáo Lê Việt A phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét. Về biện pháp tư pháp: áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Lưu giữ 05 giấy tờ bán xe theo hồ sơ vụ án. Truy thu của bị cáo số tiền 7.340.465 đồng; anh Đào Minh T số tiền 77.000.000 đồng; anh Phạm Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng cho sung quỹ Nhà nước. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an thành phố H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên và Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/12/2023 đến ngày 22/8/2024, tại nhà ở của mình ở thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, Lê Việt A đã dùng số tiền 89.000.000 đồng của mình cho 04 cá nhân vay, cụ thể: anh Đào Minh T vay tổng cộng 04 lần với tổng số tiền 77.000.000 đồng; anh Mai Văn H2 vay số tiền 1.500.000 đồng; anh Bùi Văn D vay số tiền 500.000 đồng; anh Phạm Văn Đ vay số tiền 10.000.000 đồng; đều với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/01 năm, cao hơn 9,125 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm), nhằm thu lời bất chính số tiền 76.817.533 đồng, số tiền thu lời bất chính thực tế bị cáo đã thu là 43.634.535 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên truy tố bị cáo về hành vi, về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, chính xác.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích của người đi vay, đồng thời xâm phạm đến tình hình an ninh, chính trị, ổn định xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo ra đầu thú; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính; Ngoài ra, bị cáo là người hiện đang thờ cúng liệt sỹ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa bị cáo trình bày có điều kiện về kinh tế,

có tiền tích lũy nên HĐXX sẽ xem xét, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và giáo dục đối với bị cáo, đồng thời làm bài học chung cho mọi người.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do đã áp dụng phạt tiền là hình phạt chính.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự, xử lý như sau:

6.1. Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội và khoản tiền lãi tương ứng với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015:

Đối với tổng số tiền 89.000.000 đồng bị cáo Việt A dùng cho vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội và khoản tiền lãi thực tế đã thu (tương ứng với mức lãi suất cao nhất là 20% theo quy định của Bộ luật dân sự) là 5.340.464 đồng là tiền thu lợi từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Trong số tiền 89.000.000 đồng bị cáo đã cho 04 người vay nêu trên: anh D và anh H2 đã trả bị cáo nên sẽ truy thu của bị cáo số tiền đó; anh T và anh Đ chưa trả nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Bị cáo Lê Việt A phải nộp lại Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 7.340.465, trong đó gồm: tiền gốc cho anh D vay là 500.000 đồng; tiền gốc cho anh H2 vay là 1.500.000 đồng và 5.340.465 đồng tiền lãi tương ứng với mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 20% đã thu được từ những khoản vay tiền với lãi suất cao của anh T, anh D, anh H2 và anh Đ.

Anh Đào Minh T phải nộp lại Ngân sách Nhà nước số tiền 77.000.000 đồng, là tiền gốc bị cáo cho vay nhưng anh T chưa trả.

Anh Phạm Văn Đ phải nộp lại Ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng, là tiền gốc bị cáo cho vay nhưng anh Đ chưa trả.

6.2. Đối với số tiền bị cáo đã số tiền thu lợi bất chính (thu cao hơn quy định của Bộ luật dân sự 2015).

Tổng số tiền bị cáo thu cao hơn quy định Bộ luật dân sự 2015 là 43.634.535 đồng của các anh Đào Minh T, Mai Văn H2, Bùi Văn D, Phạm Văn Đ. Bị cáo đã hoàn trả toàn bộ cho các anh T, H2, D, Đ nên không xem xét, giải quyết.

6.3. Đối với chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với người vay tiền để yêu cầu trả nợ, bị cáo đã làm mất và cơ quan điều tra không truy tìm được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 05 giấy bán xe được đánh số bút lục, là chứng cứ liên quan đến vụ án nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình

sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106, Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Việt A phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Việt A số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp:

Truy thu bị cáo Lê Việt A số tiền 7.340.465 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của anh Đào Minh T, sinh năm 2006; địa chỉ: đội D, thôn Đ, xã P (tên gọi cũ là Hồng N), thành phố H, tỉnh Hưng Yên số tiền 77.000.000 đồng là tiền gốc anh T vay của bị cáo nhưng chưa trả để sung Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P, xã H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên số tiền 10.000.000 đồng, là tiền gốc anh Đ vay của bị cáo nhưng chưa trả để sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKS, THA thành phố Hưng Yên;
- Bị cáo, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thúy Hà

